

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ GIA MẬP  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06-11-2020

V/v: “*Tranh chấp Ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh*

*Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa*

**Ông Phan Tấn Lãm**

***- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án***

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.***

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 90/2020/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Bà Trần Thị A***, sinh năm 1990 (có mặt)

***Bị đơn: Ông Trương Khánh B***, sinh năm 1989 (vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ: Thôn BĐ 2, xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, t. Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2020 và trong quá B giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị A trình bày:***

Bà Trần Thị A và ông Trương Khánh B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 54/2010, quyền số 01/2009, ngày 06 tháng 12 năm 2010. Trong thời gian đầu

chung sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017. Nguyên nhân là do ông B thường xuyên đi uống rượu về nhà đánh đập bà A, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và không có tiếng nói chung. Bà A và ông B đã sống ly thân từ tháng 04 năm 2020 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà A và ông B có 02 người con chung là cháu Trương Trần Khánh C, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011 và Trương Trần Khánh D, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2015. Sau khi ly hôn bà A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung Trương Trần Khánh D cho đến khi đủ 18 tuổi và giao người con chung Trương Trần Khánh C cho ông B Trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A không yêu cầu ông Trương Khánh B cấp dưỡng nuôi con chung Trương Trần Khánh D.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn ông Trương Khánh B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.***

***Tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 6 năm 2020, cháu Trương Trần Khánh C trình bày:***

Cháu Khang đang học lớp 3 trường tiểu học Nguyễn Huệ, xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, về nguyên nhân mâu thuẫn giữa bố mẹ như thế nào thì cháu không biết. Tuy nhiên, cháu có biết việc mẹ là bà A làm đơn ly hôn với bố. Hiện nay cháu đang ở với bố là ông B, sau khi bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố, vì bố chăm sóc cho cháu nhiều hơn mẹ. Việc cháu Khang có nguyện vọng được sống cùng với bố là do cháu hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc.

***Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa :***

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng dụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Trương Khánh B vắng mặt không có lý do. Và qua xem xét tại hồ sơ và các tài liệu bà A cung cấp là phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị A.

Về con chung: Giao người con chung là Trương Trần Khánh D, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2015 cho bà Trần Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và giao người con chung Trương Trần Khánh C, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011 cho ông Trương Khánh B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

*[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:* Xác định đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” do bà Trần Thị A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Trương Khánh B cư trú tại: Thôn Bình Đức 2, xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

*[1.2] Về việc vắng mặt đương sự:* Bị đơn ông Trương Khánh B vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần, nên xem như ông B từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B theo thủ tục chung.

#### **[2] Phân tích nội dung tranh chấp:**

*[2.1] Về quan hệ hôn nhân:* Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà Trần Thị A cho thấy, bà và ông Trương Khánh B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết

hôn tại UBND xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 06 tháng 12 năm 2010. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng ông bà có hạnh phúc, sau đó từ năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, ông B không quan tâm đến gia đình, không chăm lo làm ăn, bất đồng quan điểm sống, ông B thường hay đi uống rượu về chửi bới bà A, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân với nhau từ tháng 04 năm 2020 cho đến nay.

Tại phiên tòa, bà A cho rằng bà và ông B đã cố gắng hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay bà A xác định không còn tình cảm với ông B. Mặc dù, tại phiên tòa không có mặt ông B nhưng bà A vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu được ly hôn với ông B. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, từ lâu không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, bà A và ông B có 02 người con chung là cháu Trương Trần Khánh C, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011 và cháu Trương Trần Khánh D, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2015. Quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bà A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người con chung là cháu Trương Trần Khánh D, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2015 và giao người con chung cháu Trương Trần Khánh C, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011 cho ông Trương Khánh B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về phía cháu C cũng có lời khai và nguyện vọng được ở với ông B. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, nghĩ cần thiết phải giao người con chung là cháu Trương Trần Khánh D cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng và giao người con chung là cháu Trương Trần Khánh C cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các bên là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] **Về án phí HNGĐ sơ thẩm**: Bà Trần Thị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A về việc tranh chấp “ly hôn”**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị A được ly hôn với ông Trương Khánh B.

- Về con chung: Giao người con chung là cháu Trương Trần Khánh D, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2015 cho bà Trần Thị A trực tiếp nuôi dưỡng. Giao người con chung là cháu Trương Trần Khánh C, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011 cho ông Trương Khánh B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.*

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

**2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà Trần Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0019236, Quyền số 000385 ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

**3. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận**

- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa**

**Văn Phú Vinh**